

## BÁO CÁO

### Tình hình giá cả thị trường tỉnh Lạng Sơn tháng 7/2021

#### 1. Tình hình thị trường

Trong tháng 7/2021, giá cả các loại hàng hóa trên thị trường tỉnh Lạng Sơn nhìn chung ổn định, hoạt động mua bán hàng hóa diễn ra bình thường. Giá cả tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại một số mặt hàng giữ giá và tăng nhẹ do thiếu nguồn cung.

Giá cả của một số mặt hàng vào thời điểm khảo sát thực tế tại chợ Giếng Vuông và chợ Bờ Sông cụ thể như sau: Cá chép 50.000-60.000đ/kg, cá quả 100.000đ/kg, giá một số loại rau màu tăng nhẹ như: Cà chua 7.000 đồng/kg, Rau muống 6.000 đồng/mớ, Mồng tơi 6.000 đồng/mớ, Cải canh 6.000 đồng/mớ, Đậu bắp 20.000đồng/kg, mướp 10.000đồng/kg, Khoai sọ 15.000đồng/kg.

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) chung toàn tỉnh tháng 7 năm 2021 giảm 0,79% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của một số nhóm hàng sau: (1) hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 7,79%; (2) Nhóm may mặc, mũ nón giày dép giảm 0,02%; (3) Nhóm Bưu chính viễn thông giảm 1,04%

Trong 11 nhóm mặt hàng chính có 3 nhóm hàng giảm; 5 nhóm hàng tăng và 3 nhóm hàng không thay đổi so với tháng trước đó là:

- Nhóm hàng giảm: (1) Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 1,42%; (2) Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,05%; (3) Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,32%;

- Nhóm hàng tăng: (1) Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,07%; (2) Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,02%; (3) Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng 1,17%; (4) Nhóm giao thông tăng 2,59%; (5) Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,45%.

- Nhóm không thay đổi: (1) Nhóm thuốc và dịch vụ y tế; (2) Nhóm Bưu chính viễn thông; (3) Nhóm giáo dục.

- Chỉ số giá vàng so với tháng trước giảm 1,14%: trong tháng giá vàng thế giới biến động mạnh hơn các tháng trước, thị trường vàng trong nước giao dịch điều chỉnh giá tăng, giảm theo giá thị trường. Giá vàng trong nước so với cùng kỳ năm trước tăng 4,5% so với năm gốc 2019 tăng 32,59% và bình quân 7 tháng năm 2021 tăng 13,6% so với cùng kỳ.

- Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,21% so với tháng trước: Tăng 1,51% so với cùng kỳ năm trước, tăng 1,16% so với năm gốc 2019 và bình quân 7 tháng đầu năm 2021 tăng 0,93% so với cùng kỳ.

## **2. Tình hình giá cả mặt hàng thịt gia súc, gia cầm tươi sống**

Giá thịt gia súc tươi sống giảm 3.79%. Nguyên nhân chủ yếu do nguồn cung tăng cao, riêng giá thịt lợn giảm 4,35% do hiện nay, dịch bệnh trên đàn lợn cơ bản đã được khống chế, giá bán sản phẩm ổn định, tại thời điểm khảo sát giá thịt lợn hơi 55.000 đồng/kg (giảm 7.000 đồng/kg so với tháng trước), thịt ba chỉ 125.000 đồng/kg (giảm 5.000 đồng), thịt chân giò 85.000 đồng/kg (giảm 5.000 đồng/kg so với tháng trước; tại thời điểm khảo sát Giá gà sống thiên tăng nhẹ theo thị trường từ 170.000 đến 180.000 đ/kg (tăng 20.000 – 30.000đồng/kg so với tháng trước), giá vịt làng khoảng 60.000đ/kg (giảm 5.000đ/kg so với tháng trước).

## **3. Diễn biến giá cả một số mặt hàng thiết yếu so với tháng trước tại thời điểm khảo sát (có biểu kèm theo)**

- Giá vàng bán ra 5.680.000 đ/1 chỉ giảm 7.000đ/chỉ so với tháng trước.
- USD bán ra 23.213đ/1USD tăng 93đ/1USD so với tháng trước.
- Giá cả một số mặt hàng thiết yếu tháng 7/2021 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chi tiết như biểu kèm theo.

## **4. Dự báo diễn biến tình hình giá cả tháng tiếp theo**

Dự kiến trong tháng 8 giá cả các mặt hàng sẽ giảm nhẹ, do diễn biến dịch bệnh phức tạp, các các sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, dịch vụ du lịch vẫn tiếp tục tạm dừng hoạt động./.

### ***Nơi nhận:***

- Vụ TTTN - Bộ Công Thương;
- UBND tỉnh ( b/c);
- Sở Công Thương một số tỉnh (trao đổi);
- Lãnh đạo Sở;
- TTKC&XTTM (đăng trên website TMĐT);
- Phòng KH-TH;
- VP Sở (đăng trên website Sở Công Thương);
- Lưu: VT, QLTM.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Liều Anh Minh**

UBND TỈNH LẠNG SƠN  
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIÁ BÁN LẺ MỘT SỐ MẶT HÀNG THIẾT YẾU**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SCT ngày /7/2021  
của Sở Công Thương Lạng Sơn)

STT	Mặt hàng	ĐVT	Tháng trước báo cáo	Thời điểm báo cáo	Mức tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5-4)
<b>1</b>	<b>Điện sinh hoạt</b>				
	+ Từ 0-50Kw	đ/kw	1.678	1.678	
	+ Từ 51-100Kw	đ/Kw	1.734	1.734	
	+ Từ 101-200Kw	đ/Kw	2.014	2.014	
	+ Từ 201-300Kw	đ/Kw	2.536	2.536	
	+ Từ 301-400Kw	đ/Kw	2.834	2.834	
	+ Từ 401Kw trở lên	đ/Kw	2.927	2.927	
<b>2</b>	<b>Than tổ ong</b>	đ/viên	3.000	3.000	
<b>3</b>	<b>Thép tròn φ6, φ8 (thép Thái Nguyên)</b>	đ/kg	18.400	18.400	
<b>4</b>	<b>Ngói Hạ Long</b>	đ/viên	15.000	15.000	
<b>5</b>					
	- Xi măng Lạng Sơn PCB30	đ/tấn	1.010.000	930.000	-80.000
	- Xi măng Hoàng Thạch PCB30	đ/tấn	1.590.000	1.560.000	-30.000
	- Cát mịn	đ/khối	200.000	190.000	-10.000
	- Cát vàng	đ/khối	380.000	370.000	-10.000
<b>6</b>	<b>Tại thời điểm báo cáo giá xăng dầu (từ ngày 27/6/2021 đến hết ngày 30/7/2021 đã có 02 lần điều chỉnh vào ngày 12/7/2021 và 26/6/2021)</b>				
6.1	<i>Lần điều chỉnh thứ nhất (15h00 ngày 12/7/2021)</i>				
	- Xăng RON95	đ/lít	21.430	22.310	+880
	- Xăng E5RON92	đ/lít	20.150	21.020	+868
	- Dầu Diezen 0,05%	đ/lít	16.430	16.860	+430
6.2	<i>Petrolimex điều chỉnh ngày 27/7/2021</i>				
	- Xăng RON95	đ/lít	22.310	22.210	-100
	- Xăng E5RON92	đ/lít	21.020	20.890	-130
	- Dầu Diezen 0,05%	đ/lít	16.860	16.690	-170

<b>7</b>	<b>Phân bón</b>				
	- Phân Đạm UREA	đ/kg	9.300	9.300	
	- Phân NPK-S 12.5.10-14 Lâm Thao	đ/kg	7.000	7.000	
<b>8</b>	<b>Vở học sinh (48 trang)</b>	đ/quyển	11.000	11.000	
<b>9</b>	<b>Đường</b>	đ/kg	23.000	23.000	
<b>10</b>	Mỳ tôm	đ/gói	2.500-3.500	2.500-3.500	
<b>11</b>	Muối	đ/kg	3.000	3.000	
<b>12</b>	Dầu ăn	đ/lít	22.000	22.000	
	- Dầu Neptune	đ/lít	41.500	41.500	
	- Dầu đậu nành Tường An	đ/lít	38.500	38.500	
	- Dầu Cái Lân	đ/lít	29.500	29.500	
	- Dầu Simply Hạt cải	đ/lít	39.000	39.000	
<b>13</b>	Nước (đóng chai)	đ/lít	4.000-5.000	4.000-5.000	
<b>14</b>	Giấy vệ sinh	đ/cuộn	5.000-6.000	5.000-6.000	
<b>15</b>	<b>Lương thực, thực phẩm</b>				
	- Gạo tẻ thường	đ/kg	15.000	15.000	
	- Gạo bao thai mới Thất Khê	đ/kg	17.000	19.000	+2.000
	- Gạo nếp mới Thất Khê	đ/kg	28.000	30.000	+2.000
	- Gạo nếp cái hoa vàng	đ/kg	24.000	26.000	+2.000
	- Thịt lợn hơi	đ/kg	62.000	55.000	-7.000
	- Thịt lợn vai	đ/kg	100.000-110.000	95.000	-5.000
	- Thịt mông sấn	đ/kg	100.000	95.000	-5.000
	- Thịt ba chỉ	đ/kg	130.000	125.000	-5.000
	- Thịt chân giò	đ/kg	90.000	85.000	-5.000
	- Sườn lợn	đ/kg	130.000	125.000	-5.000
	- Thịt bò bắp giòn	đ/kg	300.000	300.000	
	- Thịt bò thăn	đ/kg	280.000	280.000	
	- Cá chép (Nuôi)	đ/kg	50.000-60.000	50.000-60.000	
	- Cá quả	đ/kg	100.000	100.000	
	- Gà giò	đ/kg	140.000	160.000	+20.000
	- Gà Sóng Thiên	đ/kg	150.000	180.000	+30.000
<b>16</b>	<b>Giá vàng và USD</b>				
	- Giá vàng	đ/chi	5.687.000	5.680.000	-7.000
	- Giá USD	đ/1usd	23.120	23.213	+93
<b>17</b>					
	- Cà tím	đ/kg	8.000	6.000	-2.000

	- Khoai sọ	đ/kg		15.000	
	- Mướp	đ/kg		10.000	
	- Khoai tây	đ/kg	15.000	12.000	-3.000
	- Cà chua	đ/kg	6.000	5.000	-1.000
	- đậu bắp	đ/kg		20.000	
	- Chuối tiêu xanh	đ/quả	3.000	3.000	
	- Dứa	đ/quả	10.000	10.000	
<b>18</b>					
	- Cám gà	đ/kg	7.000	13.000	+6.000
	- Cám Lợn	đ/kg	10.000	9.000	-1.000
	- Ngô hạt	đ/kg	8.000	8.000	